XV. PHẨM HÀO QUANG
(*ĀBHĀVAGGA*)

I. KINH HÀO QUANG (*Ābhāsutta*) (*A*. II. 139)

141. Này các Tỷ-kheo, có bốn loại hào quang này. Thế nào là bốn? Hào quang mặt trăng, hào quang mặt trời, hào quang ngọn lửa, hào quang trí tuệ.

Này các Tỷ-kheo, có bốn loại hào quang này. Và này các Tỷ-kheo, loại tối thượng trong bốn loại này là hào quang trí tuệ.

II. KINH ÁNH SÁNG (*Pabhāsutta*) (*A*. II. 139)

142. Này các Tỷ-kheo, có bốn loại ánh sáng này. Thế nào là bốn? Ánh sáng mặt trăng, ánh sáng mặt trời, ánh sáng ngọn lửa, ánh sáng trí tuệ.

Này các Tỷ-kheo, có bốn loại ánh sáng này. Và này các Tỷ-kheo, loại tối thượng trong bốn loại này là ánh sáng trí tuệ.

III. KINH ÁNH LỬA (*Ālokasutta*) (*A*. II. 139)

143. Này các Tỷ-kheo, có bốn loại ánh lửa này. Thế nào là bốn? Ánh lửa mặt trăng, ánh lửa mặt trời, ánh lửa ngọn lửa, ánh lửa trí tuệ.

Này các Tỷ-kheo, có bốn loại ánh lửa này. Và này các Tỷ-kheo, loại tối thượng trong bốn loại này là ánh lửa trí tuệ.

IV. KINH ÁNH CHIẾU (*Obhāsasutta*) (*A*. II. 139)

144. Này các Tỷ-kheo, có bốn loại ánh chiếu này. Thế nào là bốn? Ánh chiếu mặt trăng, ánh chiếu mặt trời, ánh chiếu ngọn lửa, ánh chiếu trí tuệ.

Này các Tỷ-kheo, có bốn loại ánh chiếu này. Và này các Tỷ-kheo, loại tối thượng trong bốn loại này là ánh chiếu trí tuệ.

V. KINH ÁNH ĐÈN (*Pajjotasutta*) (*A*. II. 140)

145. Này các Tỷ-kheo, có bốn loại ánh đèn này. Thế nào là bốn? Ánh đèn mặt trăng, ánh đèn mặt trời, ánh đèn ngọn lửa, ánh đèn trí tuệ.

Này các Tỷ-kheo, có bốn loại ánh đèn này. Và này các Tỷ-kheo, loại tối thượng trong bốn loại này là ánh đèn trí tuệ.

VI. KINH THỜI GIAN THỨ NHẤT (*Paṭhamakālasutta*) (*A*. II. 140)

146. Có bốn loại thời gian này. Thế nào là bốn? Nghe pháp đúng thời, đàm luận về pháp đúng thời, chỉ đúng thời, quán đúng thời.

Này các Tỷ-kheo, có bốn loại thời gian này.

VII. KINH THỜI GIAN THỨ HAI (*Dutiyakālasutta*) (*A*. II. 140)

147. Có bốn loại thời gian, này các Tỷ-kheo, nếu khéo tu tập, nếu khéo vận chuyển, tuần tự đưa đến sự đoạn diệt các lậu hoặc. Thế nào là bốn? Nghe pháp đúng thời, đàm luận về pháp đúng thời, chỉ đúng thời, quán đúng thời.

Bốn loại thời gian này, này các Tỷ-kheo, nếu khéo tu tập, khéo vận chuyển, tuần tự đưa đến sự đoạn diệt các lậu hoặc.

Ví như, này các Tỷ-kheo, trên đỉnh núi[177] trời mưa nặng hạt và nước chảy theo triền thấp, tràn đầy hang núi, khe núi, thung lũng. Khi các hang núi, khe núi, thung lũng được tràn đầy, thời ao nhỏ được tràn đầy; ao nhỏ được tràn đầy, thời ao lớn được tràn đầy; ao lớn được tràn đầy, thời sông nhỏ được tràn đầy; sông nhỏ được tràn đầy, thời sông lớn được tràn đầy; sông lớn được tràn đầy, thời biển lớn đại dương được tràn đầy. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, bốn loại thời gian này, nếu khéo tu tập, nếu khéo vận chuyển, tuần tự đưa đến sự đoạn diệt các lậu hoặc.

VIII. KINH HẠNH ÁC VỀ LỜI NÓI (*Duccaritasutta*) (*A*. II. 141)

148. Này các Tỷ-kheo, có bốn hạnh ác về lời nói này. Thế nào là bốn? Nói láo, nói hai lưỡi, nói lời thô ác, nói lời phù phiếm.

Này các Tỷ-kheo, có bốn hạnh ác về lời nói này.

IX. KINH HẠNH THIỆN VỀ LỜI NÓI (*Sucaritasutta*) (*A*. II. 141)

149. Này các Tỷ-kheo, có bốn hạnh thiện về lời nói này. Thế nào là bốn? Nói thật, không nói hai lưỡi, nói lời nhu hòa, nói lời thông minh.[178]

Này các Tỷ-kheo, có bốn hạnh thiện về lời nói này.

X. KINH LÕI (TINH TÚY) (*Sārasutta*) (*A*. II. 141)

150. Này các Tỷ-kheo, có bốn lõi này. Thế nào là bốn? Lõi về giới, lõi về định, lõi về tuệ, lõi về giải thoát.

Này các Tỷ-kheo, có bốn loại lõi này.

---

[177] Xem *S*. II. 32.

[178] Xem *A*. II. 226; *GS*. II. 235 (kinh 221 ở sau). *Mantabhāsā*. *D*. II. 246 viết *mantāya boddhabbaṃ*.